



SITC Container Lines - Shipping Schedule Outline

Update : September 28, 2020

SITC		VTX1 (Japan - Vietnam - China - Thailand service)									
Port	Sakaisenboku	Osaka	Kobe	Busan	Shanghai	Hongkong	Ho Chi Minh*	Sihanoukville	BKK (T2)	LCH (B5)	
ETA/ETD	Sun/Mon	Mon/Mon	Mon/Tue	Wed/Wed	Fri/Fri	Mon/Tue	Thu/Fri	Sun/Sun	Mon/Tue	Tue/Wed	
T/T	-	1	1	3	5	8	11	14	15	16	
	-	-	1	2	4	7	10	13	14	15	
	-	-	-	1	2	5	8	11	12	13	
	-	-	-	-	2	3	6	9	10	11	
	-	-	-	-	-	3	6	9	10	11	
	-	-	-	-	-	-	2	5	6	7	
	-	-	-	-	-	-	-	2	3	4	
	-	-	-	-	-	-	-	-	1	2	

*Ho Chi Minh - CAT LAI

SITC		VTX2 (Japan - Vietnam - China - Thailand service)								
Port	Nagoya	Tokyo	Yokohama	Shanghai	Ningbo	Xiamen	Ho Chi Minh*	BKK (T2)	LCH (B5)	
ETA/ETD	Fri/Fri	Sat/Sat	Sat/Sun	Tue/Wed	Thu/Thu	Sat/Sat	Tue/Wed	Fri/Sat	Sat/Sun	
T/T	-	1	1	2	4	6	9	12	13	
	-	-	1	2	4	6	9	12	13	
	-	-	-	2	4	6	9	12	13	
	-	-	-	-	1	3	6	9	10	
	-	-	-	-	-	2	5	8	9	
	-	-	-	-	-	-	3	6	7	
	-	-	-	-	-	-	-	2	3	
	-	-	-	-	-	-	-	-	-	

*Ho Chi Minh - CAT LAI

SITC		VTX3 (Japan - Vietnam - China - Thailand service)									
Port	Nagoya	Tokyo	Kawasaki	Yokohama	Shanghai	Ningbo	Wenzhou	Ho Chi Minh*	BKK (SHT)**	LCH (B5)	
ETA/ETD	Mon/Mon	Tue/Tue	Tue/Wed	Wed/Wed	Sat/Sun	Sun/Mon	Tue/Tue	Sat/Sun	Tue/Wed	Thu/Fri	
T/T	-	1	2	5	8	12	16	17			
	-	-	1	2	5	6	8	12	16	17	
	-	-	-	1	3	3	6	10	13	15	
	-	-	-	-	3	4	6	10	13	15	
	-	-	-	-	-	1	2	6	9	11	
	-	-	-	-	-	-	1	5	8	10	
	-	-	-	-	-	-	-	4	7	9	
	-	-	-	-	-	-	-	-	2	4	

*Ho Chi Minh - CAT LAI

**Bangkok - Sahathai terminal

SITC		CKV2 (Korea - China - Vietnam - Thailand service)									
Port	Inchon	Daesan	Qingdao	Shanghai	Hongkong	Ho Chi Minh*	Sihanoukville	BKK (T2)	LCH (KR)		
ETA/ETD	Tue/Wed	Wed/Thu	Fri/Sat	Sun/Mon	Wed/Thu	Sat/Sun	Mon/Tue	Wed/Thu	Thu/Fri		
T/T	-	1	2	5	8	11	13	15	16		
	-	-	1	3	6	9	11	13	14		
	-	-	-	1	4	7	9	11	12		
	-	-	-	-	2	5	7	9	10		
	-	-	-	-	-	2	4	6	7		
	-	-	-	-	-	-	1	3	4		
	-	-	-	-	-	-	-	1	2		
	-	-	-	-	-	-	-	-	-		

*Ho Chi Minh - CAT LAI

SITC		TPX (China - Vietnam - Thailand service)					
Port	Nansha	Shekou	Haiphong	Qinzhou	Ho Chi Minh	LCH (B5)	
ETA/ETD	Mon/Wed	Wed/Thu	Fri/Sun	Sun/Mon	Wed/Thu	Fri/Sat	
T/T	-	1	3	5	8	10	
	-	-	1	3	6	8	
	-	-	-	1	4	6	
	-	-	-	-	2	4	
	-	-	-	-	-	-	
	-	-	-	-	-	1	

SITC		TRX (China - Thailand service)				
Port	Hongkong	Nansha	Shekou	LCH (B3)	BKK (T1)	
ETA/ETD	Mon/Mon	Tue/Wed	Wed/Thu	Sun/Mon	Mon/Wed	
T/T	-	1	2	6	7	
	-	-	1	4	5	
	-	-	-	3	4	
	-	-	-	-	1	

SITC		JTV1 (Japan - Korea - Thailand service)				
Port	Yokohama	Tokyo	Shimizu	Pusan	LCH (B4)	
ETA/ETD	Wed/Wed	Wed/Thu	Fri/Fri	Sun/Sun	Sun/Mon	
T/T	-	1	2	4	11	
	-	-	1	3	10	
	-	-	-	2	9	
	-	-	-	-	7	

SITC		JTV2 (Japan - Korea - Thailand service)				
Port	Osaka	Kobe	Yokkaichi	Nagoya	LCH (A3)	
ETA/ETD	Wed/Thu	Thu/Thu	Fri/Fri	Fri/Sat	Sun/Mon	
T/T	-	1	1	1	10	
	-	-	1	1	10	
	-	-	-	1	10	
	-	-	-	-	9	

SITC		TPV (Vietnam - Philippines - Thailand service)			
Port	Ho Chi Minh*	Manila	Batangas	LCH (C1C2)	
ETA/ETD	Wed/Wed	Sat/Mon	Tue/Tue	Sun/Mon	
T/T	-	3	6	11	
	-	-	3	8	
	-	-	-	5	

*Ho Chi Minh - CAI MAP

SITC		JTH (N) (Malaysia - Indonesia - Thailand service)		
Port	Kuantan	Jakarta	LCH (B5)	
ETA/ETD	Tue/Wed	Fri/Sat	Wed/Wed	
T/T	-	2	7	
	-	-	4	

SITC		JTH (S) (China - Vietnam - Thailand service)		
Port	Qinzhou	Haiphong	LCH (B5)	
ETA/ETD	Sun/Mon	Tue/Wed	Sun/Sun	
T/T	-	1	6	
	-	-	4	